**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ - ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**Môn : Lịch sử và địa lí 8**

**Năm học: 2023-2024.**

**a) Khung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | | |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | | | | | **Vận dụng**  **(TL)** | | | | | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | | | | |  | |
| **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | | **TL** | | | | **TNKQ** | | | **TL** | | **TNKQ** | | | **TL** | | |  |
| **Phân môn lịch sử** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX (tt) (10 tiết)** | Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX |  | | 1TL | |  | | |  | | |  |  | | | |  | | | |  | |  |
| Cuộc kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược của nhân dân Viêt Nam (1858- 1884) | 1TN \* | |  | |  | | | 1TL | | |  |  | | | |  | | | |  | |  |
| Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX. |  | |  | | 1 TN\* | | |  | | |  |  | | | | 1 TN\* | | | |  | |  |
| - Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX. |  | |  | |  | | |  | | | 1 TN\* |  | | | |  | | | |  | |  |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***1.5đ/ 15%*** | | | | ***1đ/ 10%*** | | | | | ***0.25 đ/2.5%*** | | | | | | | ***0,25đ/2.5%*** | | | | |  | |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | | | | |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | | | **Vận dụng**  **(TL)** | | | | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | | | | | |  | | | | |
| **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | | | **TL** | **TNKQ** | | | | **TL** | **TNKQ** | | | **TL** | | |  | | | | |
| **Phân môn địa lí** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM | – Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành các dạng địa hình Việt Nam | | 2TN\* | |  | | 1TN\* | | |  | 1TN\*  1TN\* | | | |  |  | | |  | | |  | | | | |
| 2 | ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM | – Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng  – Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính  – Đặc điểm chung của sinh vật | | 2TN \*  1 TN\* | |  | | 1TN\* | | |  | 1TN\* | | | |  |  | | |  | | |  | | | | |
| 3 | ĐẶC ĐIỂM THỦY VĂN | - Phân tích được mạng lưới sông và chế độ chảy của các sông  - Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm | | 1 TN\* | | 1TL (a)  1 TL 2(a) | |  | | | 1TL  2(b) | 1TN\* | | | | 1TL  1(b) |  | | |  | | |  | | | | |
| ***Tỉ lệ*** | | | | ***3.5đ/ 35%*** | | | | ***2đ/ 20%*** | | | | | | | ***1.5đ/ 15%*** | |  | | | | | |  | | | | |
| **Tổng hợp chung** | | | | ***50%*** | | | | ***30%*** | | | | | | | ***20%*** | | | | | | | | **100%** | | | | |

**b) Bản đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | | | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | |
| ***Nhận biết*** | | ***Thông hiểu*** | | ***Vận dụng*** | | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn lịch sử** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX (tt) (10 tiết)** | | | Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX | **Nhận biết**  Trình bày được bằng chứng lịch sử chứng minh việc nhà Nguyễn thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. | 1 TL | | 2 TN\* | |  | |  |
| Cuộc kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược của nhân dân Viêt Nam (1858- 1884) | **Nhận biết**  - Trình bày những những nét nổi bật của kháng chiến chống Pháp của Nhân dân ta và những Hiệp ước đã kí kết giữa triều đình nhà Nguyễn với Pháp. Hiệp ước Pa tơ nốt là mốc chấm dứt sự tồn tại của triều đại phong kiến nhà Nguyễn với tư cách là một quốc gia độc lập  **Thông hiểu**  Lý giải được nguyên nhân thực dân Pháp xâm lược | 1TN\* | | 1TL | |  | |  |
| Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX. | **Thông hiểu**  Hiểu được nguyên nhân bùng nổ phong trào Cần Vương, thời gian tồn tại, ý nghĩa của nó.  **Vận dụng**  Nắm được bản chất của phong trào Cần Vương và khởi nghĩa Yên Thế. |  | | 1 TN\* | |  | | 1TN\* |
| Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX. | **Vận dụng**  Tìm ra được ý nghĩa của trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX. |  | |  | | 1TN\* | |  |
| Số câu/ loại câu | | | | |  | 1câu  TNKQ  21câu  TL | | 1câu  TNKQ  1 câu TL | | 1TNKQ | | 1 câu TNKQ |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | |  | ***15%*** | | ***10%*** | | ***5%*** | | ***5%*** |
| **TT** | | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | | ***Vận dụng*** | | ***Vận dụng cao*** | | |
| **Phân môn địa lí** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM | – Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ  – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | | **Nhận biết**  – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.  – Địa hình đồng băng nước ta chiếm bao nhiêu phần trăm  **Thông hiểu**  – Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.  – Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản. | 2 TN\* | 1 TN\* | | 1 TN\*  1 TN\* | |  | | |
| 2 | | ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM | – Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng  – Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính  – Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam | | **Nhận biết:**  – Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.  -**Thông hiểu**:  - Giá trị sử dụng của 3 nhóm đất và chiếm tỉ lệ diện tích đất tự nhiên. | 2TN\*  1TN\* | 1TN\* | | 1TN\*  1 TL(1b) | |  | | |
| 3 | | ĐẶC ĐIỂM THỦY VĂN | - Phân tích được mạng lưới sông và chế độ chảy của các sông  - Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm | | **Nhận biết:**  -Đặc điểm của sông ngòi nước ta vì sao ngắn , dốc và nhỏ.  nước ta chảy theo hướng nào.  **-Thông hiểu**:  Biết được các hướng chính của sông ngòi  nước ta chảy theo hướng nào.  -**Vận dụng:**  Liên hệ thực tế với địa phương có những con sông nào, chảy theo hướng nào | 1TN\*  1TL(1a)  1TL(2a) | 1TL(1a) | | 1TN\* | |  | | |
| Số câu/ loại câu | | | | |  | 6câu  TNKQ  2 câu  TL(1a)/TL(2a) | 2 câu  TNKQ  1 câu TL(2b) | | 4 câu  TNKQ  1 câu TL(1b) | |  | | |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | |  | ***35%*** | ***20%*** | | ***15%*** | |  | | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Năm học: 2023-2024**

**Môn : Lịch sử và địa lí 8**

**Thời gian: 60 phút**

***Phân môn Lịch sử***

**A. TRẮC NGHIỆM: (1 điểm)**

***Chọn một phương án đúng nhất ở mỗi câu và viết phương án chọn vào bài làm.***

**Câu 1:** Bản chất của phong trào nông dân Yên Thế là

A. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản

B. Cuộc đấu tranh tự phát của nông dân

C. Phong trào yêu nước đứng trên lập trường phong kiến

D. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

**Câu 2:** Trào lưu cải cách duy tân ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX không mang ý nghĩa nào sau đây?

A. Thể hiện lòng yêu nước thương dân của các văn thân, sĩ phu

B. Tấn công vào tư tưởng phong kiến bảo thủ

C. Đặt cơ sở cho sự ra đời của phong trào Duy tân đầu thế kỉ XX

D. Thúc đẩy mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Việt Nam

**Câu 3:** Phong trào yêu nước chống xâm lược đã dâng lên sôi nổi, kéo dài từ năm 1885 đến cuối thế kỉ XIX được gọi là phong trào gì?

A. Phong trào nông dân B. Phong trào nông dân Yên Thế.

C. Phong trào Cần vương. D. Phong trào Duy Tân.

**Câu 4:** Hiệp ước nào là mốc chấm dứt sự tồn tại của triều đại phong kiến nhà Nguyễn với tư cách là một quốc gia độc lập ?

A.Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) B. Hiệp ước Giáp Tuất (1874)

C. Hiệp ước Hác - măng (1883) D. Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884)

**B. PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)**

**Câu 1**: (0.75đ)Vì sao thực dân Pháp xâm lược Việt Nam?

**Câu 2**. (1.25đ) Em hãy nêu bằng chứng lịch sử chứng minh việc nhà Nguyễn thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa?

***Phân môn Địa lí***

**A. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)**

***Chọn một phương án đúng nhất ở mỗi câu và viết phương án chọn vào bài làm.***

**Câu 1:** Nhóm đất nào chiếm diện tích nhỏ nhất nước ta?

A. Nhóm đất mùn núi cao. B. Nhóm đất phù sa.

C. Nhóm đất phèn, đất mặn. D. Nhóm đất Feralit.

**Câu 2:** Để giảm thiểu tình trạng thoái hóa đất và bảo vệ đất cần có biện pháp nào?

A. Bảo vệ rừng và trồng rừng.

B. Duy trì nguồn nước ngọt thường xuyên  
C. Bổ sung các chất hữu cơ cho đất.

D. Tất cả các biện pháp trên.

**Câu 3:** Trong vùng biển Việt Nam có hai vịnh biển là:

A. Vịnh Thái Lan và vịnh Bắc Bộ B. Vịnh Hạ Long và vịnh Bắc Bộ  
C. Vịnh Hoàng Sa và vịnh Hạ Long D. Vịnh Nha Trang và vịnh Cam Ranh

**Câu 4:**Nhiệt độ trung bình năm của nước biển tầng mặt khoảng

A. 20ºC. B. 21ºC. C. 23ºC. D. 25ºC

**Câu 5.**Dầu mỏ và khí tự nhiên phân bố chủ yếu ở

A. Các đồng bằng B. Bắc Trung Bộ C. Việt Bắc D. Thềm lục địa

**Câu 6**: Khí hậu vùng biển nước ta mang tính chất:

A. Nhiệt đới gió mùa. B. Ôn đới gió mùa.

C. Cận nhiệt gió mùa D. Cận xích đạo.

**Câu 7:** Theo chiều đông – tây, phần đất liền nước ta mở rộng khoảng bao nhiêu kinh độ?

A. 5. B. 6.C. 7. D. 8.

**Câu 8.** Địa hình đồng bằng nước ta chiếm

A. ¾ diện tích phần đất liền. B. 2/3 diện tích phần đất liền.

C. 1/4 diện tích phần đất liền. D. 1/3 diện tích đất liền.

**Câu 9:** Vùng biển của Việt Nam là một phần của biển nào?

A. Biển Xu-lu. B. Biển Đông.

C. Biển Gia-va. D. Biển Hoa Đông.

**Câu 10.** Trên đất liền, phía bắc nước ta có chung đường biên giới với quốc gia nào sau đây?

A. Lào. B. Thái Lan . C. Cam-pu-chia. D. Trung Quốc.

**Câu 11.** Địa hình nào sau đây là địa hình nhân tạo?

A. Địa hình cacxtơ. B. Địa hình đồng bằng

C. Địa hình cao nguyên. D. Địa hình đê sông, đê biển.

**Câu 12**. Dãy núi Hoàng Liên Sơn nằm ở vùng núi nào của nước ta?

A. Vùng núi Tây Bắc. B. Vùng núi Đông Bắc.

C. Vùng núi Trường Sơn Bắc. D. Vùng núi Trường Sơn Nam.

**B. TỰ LUẬN: (4 điểm)**

**Câu 1**. (2 điểm).

a. (1,5 điểm) Vì sao nước ta có rất nhiều sông, suối song phần lớn lại là các sông nhỏ, ngắn và dốc?

b. (0,5 điểm) Các sông chảy theo hướng nào là chủ yếu?

**Câu 2**. (2 điểm).

a. (0,5 điểm) Nước ta gồm có mấy nhóm đất chính? Kể tên ?

b. (1,5 điểm) Nêu đặc tính, sự phân bố và giá trị sử dụng của từng nhóm?

**………Hết………..**

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Năm học: 2023-2024**

**Môn : Lịch sử và địa lí 8**

**Phân môn Lịch sử**

**A. PHẦN TRĂC NGHIỆM: 1 điểm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| **ĐÁP ÁN** | **B** | **D** | **C** | **D** |

**B. PHẦN II. TỰ LUẬN**(2 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Nguyên nhân thực dân Pháp xâm lược**  Từ giữa thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước phương Đông để mở rộng thị trường, vơ vét nguyên liệu.  Việt Nam lại là nước có vị trí địa lí thuận lợi, giàu tài nguyên thiên nhiên.  Chế độ phong kiến ở Việt Nam lại đang ở vào giai đoạn khủng hoảng, suy yếu | 0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 2** | **Bằng chứng:**  + Năm 1803, Hải đội Hoàng Sa tái lập trở lại.  + Năm 1816, vua Gia Long “lệnh cho thuỷ quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để xem xét, đo đạc thủy trình" tái xác nhận chủ quyền Việt Nam đối với 2 quần đảo này  + Từ thời vua Minh Mạng, việc thực thi chủ quyền trên biển tiếp tục được đẩy mạnh, như: đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ, dựng miếu thờ, trồng cây xanh trên quần đảo Hoàng Sa,… khắc hình quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa lên Cửu đỉnh. | 0.25  0.5  0.5 |

**Phần địa lí.**

**A. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đáp án** | A | D | A | C | D | A | C | C | B | D | C | A |

**B. TỰ LUẬN: (4 điểm)**

Câu 1. (2 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| a. (1,5 điểm) Sông ngòi nhỏ, ngắn và dốc là vì: |  |
| - Lãnh thổ nước ta hẹp, ngang, lại nằm sát biển, ¾ diện tích là đồi núi.  - Các dãy núi thường lan ra tận biển nên phần lớn là sông ngắn, dốc và nhỏ | 1,5đ |
| b. (0,5 điểm) Các sông chảy chủ yếu theo các hướng: Tây Bắc- Đông Nam và hướng vòng cung | 0,5đ |

Câu 2. (2 điểm).

|  |  |
| --- | --- |
| *Nội dung* | *Điểm* |
| 1. (0,5điểm) Nước ta gồm có 3 nhóm đất chính:   + Đất feralít  + Đất phù sa  + Đất mùn núi cao | |
| b. (1,5 điểm) Đặc tính, sự phân bố và giá trị sử dụng của 3 nhóm đất: | |
| **- Đất feralit: chiếm 65% diện tích đất tự nhiên. Chứa ít mùn ,nhiều sét, nhiều hợp chất nhôm, sắt, có màu đỏ vàng, phân bố chủ yếu ở Tây Nguyên, thích hợp trồng cây công nghiệp nhiệt đới.**  - Đất mùn núi cao: chiếm 11%, Tơi xốp, giàu mùn, có màu đen hoặc nâu, hình thành dưới thảm rừng á nhiệt đới hoặc ôn đới vùng cao. Giá trị kinh tế là phát triển lâm nghiệp.  - Đất phù sa: chiếm 24% diện tích đất tự nhiên. Tơi xốp, giàu mùn, độ phì nhiêu cao, dễ canh tác, thích hợp với các loại cây trồng: lúa, hoa màu và cây ăn quả. | 0.5đ |